

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/DS-ST

Ngày: 10-5-2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hải Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Từ Anh Tuấn;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 450/2020/TLST- DS ngày 27 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2021/QĐST - DS ngày 19 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1979; thường trú: Đường T, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Thái Thị N, sinh năm 1991; địa chỉ: Đường C, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương - là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 11/11/2020). Bà Thái Thị N vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Xuân D, sinh năm: 1977; địa chỉ: Khu phố T 1, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện nộp ngày 11 tháng 11 năm 2020, trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn do bà N đại diện trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 08/6/2020 bà Nguyễn Thị L có cho ông Lê Xuân D vay số tiền 500.000.000 đồng. Khi vay tiền hai bên có lập hợp đồng vay tiền, thỏa thuận thời hạn vay là 03 tháng từ ngày 08/6/2020 đến ngày 08/9/2020, lãi suất là 01%/tháng trả vào đầu tháng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông Lê Xuân D có giao cho bà L 01 hợp đồng giữ chỗ và hợp tác đầu tư của dự án Suối Giữa mang tên NVLA. Tuy nhiên, bà L đã trả lại ông D hợp đồng này khi ông D thanh toán cho bà L được 100.000.000 đồng.

Cho đến khi hết hạn hợp đồng vào ngày 08/9/2020 thì ông D mới chỉ thanh toán cho bà L được 100.000.000 đồng. Từ đó cho đến nay thì ông D vẫn chưa trả nợ gốc, lãi cho bà L. Bà L đã nhiều lần yêu cầu ông D trả tiền nhưng ông D không thực hiện.

Nay nguyên đơn bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Xuân D phải trả số tiền nợ gốc cho nguyên đơn là 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng theo Hợp đồng vay tiền ký ngày 08/6/2020 đồng thời yêu cầu ông D phải trả các khoản tiền lãi như sau:

- Lãi trong thời hạn vay tính từ ngày 08/6/2020 đến ngày 08/9/2020, cụ thể: $400.000.000 \text{ đồng} \times 01\% \times 03 \text{ tháng} = 12.000.000 \text{ đồng}$.

- Lãi trên nợ gốc quá hạn tạm tính từ ngày 09/9/2020 tới ngày 15/11/2020 với lãi suất 01%/tháng tương đương 12%/năm được tính cụ thể: $68 \text{ ngày} \times 400.000.000 \text{ đồng} \times 12\% / \text{năm} \times 150\% = 13.413.699 \text{ đồng}$.

Lãi từ ngày 15/11/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu.

Tổng số tiền gốc và lãi nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Lê Xuân D phải trả là 425.413.699 đồng (bốn trăm hai mươi lăm triệu bốn trăm mười ba nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng).

Đề nghị Tòa án tuyên kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên bị đơn ông Lê Xuân D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận là 01%/tháng.

Ngoài ra, bà L không có yêu cầu gì khác.

* *Đối với bị đơn ông D:* Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để bị đơn ông D tham gia giải quyết vụ án nhưng ông D vắng mặt không có lý do. Đồng thời, Tòa án đã yêu cầu ông D có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu khởi kiện của bà L nhưng ông D không có ý kiến cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ về quá trình vay mượn cũng như việc trả tiền gốc và lãi cho bà L. Do đó, Tòa án không thu thập được ý kiến của bị đơn ông D. Quá trình xác minh, bị đơn ông D cũng có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Khu phố T 1, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương và hiện vẫn sinh sống tại địa phương.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng, đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung về thủ tục tố tụng.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Xuân D có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Khu phố T 1, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương thanh toán tiền nợ và tiền lãi theo Hợp đồng vay tiền ký ngày 08/6/2020. Do đó, căn cứ theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương và quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[1.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Thái Thị N vắng mặt nhưng đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Lê Xuân D đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa vào các ngày 19/4/2021 và ngày 10/5/2021 nhưng đều vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Xuân D đã được triệu tập họp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng đều vắng mặt không có lý do. Trong suốt quá trình tố tụng, mặc dù ông Lê Xuân D biết việc bà Nguyễn Thị L khởi kiện nhưng không cung cấp bất cứ chứng cứ nào về quá trình vay, trả gốc, tiền lãi cho bà L. Vì vậy, ông D phải chịu hậu quả do việc không cung cấp chứng cứ theo quy định tại Điều 91, 96 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là Hợp đồng vay tiền ký ngày 08/6/2020 và trình bày của nguyên đơn có cơ sở xác định: Ngày 08/6/2020

ông Lê Xuân D có vay bà Nguyễn Thị L số tiền 500.000.000 đồng, hai bên có lập hợp đồng vay tiền, thời hạn vay là 03 tháng từ ngày 08/6/2020 đến ngày 08/9/2020, lãi suất là 01%/tháng trả vào đầu tháng. Cho đến khi hết hạn hợp đồng vào ngày 08/9/2020 thì ông D mới thanh toán cho bà L được 100.000.000 đồng nợ gốc.

[2.2] Nay nguyên đơn bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Xuân D phải trả số tiền nợ gốc cho nguyên đơn là 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng theo Hợp đồng vay tiền ký ngày 08/6/2020.

Đồng thời, yêu cầu ông D phải trả các khoản tiền lãi như sau:

- Lãi trong thời hạn vay tính từ ngày 08/6/2020 đến ngày 08/9/2020 với mức lãi suất 01% tháng là 12.000.000 đồng.

- Lãi trên nợ gốc quá hạn tạm tính từ ngày 09/9/2020 tới ngày 15/11/2020 với mức lãi suất 150% của mức lãi suất thỏa thuận 01%/tháng là 13.413.699 đồng.

Lãi từ ngày 15/11/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu.

Tổng số tiền gốc và lãi nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Lê Xuân D phải trả là 425.413.699 đồng (bốn trăm hai mươi lăm triệu bốn trăm mười ba nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng).

Đề nghị tuyên kê từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên bị đơn ông Lê Xuân D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận là 01%/tháng.

[2.3] Về nợ gốc: Khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...*”. Bị đơn không xuất trình được chứng cứ chứng minh đã thanh toán khoản nợ cho nguyên đơn. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.4] Về tiền lãi:

Khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định:

“5. Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này;

b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”

Tại Hợp đồng vay tiền lập ngày 08/6/2020 giữa ông Lê Xuân D và bà Nguyễn Thị L hai bên có thỏa thuận lãi suất là 01%/tháng. Mức lãi suất hai bên thỏa thuận là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Bị đơn

cũng không xuất trình được chứng cứ chứng minh đã thanh toán tiền lãi cho nguyên đơn. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận, bị đơn phải thanh toán tiền lãi cụ thể như sau:

Lãi trong thời hạn vay với mức lãi suất 01%/tháng là: $400.000.000 \text{ đồng} \times 01\% \times 03 \text{ tháng}$ (tính từ ngày 08/6/2020 đến ngày 08/9/2020) = 12.000.000 đồng.

Lãi trên nợ gốc quá hạn với mức lãi suất 150% của mức lãi suất thỏa thuận 01%/tháng tính từ ngày 09/9/2020 tới ngày 15/11/2020 là: $68 \text{ ngày} \times 400.000.000 \text{ đồng} \times 12\%/\text{năm} \times 150\% = 13.413.699 \text{ đồng}$.

Đối với tiền lãi từ ngày 15/11/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm nguyên đơn không yêu cầu đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên ghi nhận.

Đồng thời, tại Hợp đồng vay tiền lập ngày 08/6/2020 giữa ông Lê Xuân D và bà Nguyễn Thị L hai bên có thỏa thuận lãi suất là 01%/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật. Nên căn cứ Điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận là 01%/tháng.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông D phải chịu án phí đối với số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn bà L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 26, 35, 39, 71, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L đối với bị đơn ông Lê Xuân D.

Buộc ông Lê Xuân D thanh toán cho bà Nguyễn Thị L số tiền 425.413.699 đồng (bốn trăm hai mươi lăm triệu bốn trăm mười ba ngàn sáu trăm chín mươi chín đồng) bao gồm:

Nợ gốc: 400.000.000 đồng.

Tiền lãi trong hạn là: 12.000.000 đồng;

Tiền lãi quá hạn từ ngày 09/9/2020 tới ngày 15/11/2020 là: 13.413.699 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 01%/tháng.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L về việc không yêu cầu tiền lãi từ ngày 16/11/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lê Xuân D phải chịu 21.016.548 đồng (hai mươi một triệu không trăm mười sáu ngàn năm trăm bốn mươi tám đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 10.508.000 đồng (mười triệu năm trăm lẻ tám ngàn đồng), tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai thu số 0049049 ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố D;
- CCTHADS thành phố D;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Hải Nam

